

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Luông

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Mỹ;

Ông Nguyễn Văn Cương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: Ấp Phú Th, xã Phú H, huyện An P, tỉnh A; địa chỉ liên hệ: Đường NI3A, khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh B; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Tan Chek Ch, sinh năm 1988; quốc tịch: Malaysian. Nơi cư trú: số 117, Taman Teratai 32000 Sitiawan Perak, Malaysia. vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2021 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn (bà Trần Thị Kim L) trình bày:*

Bà Trần Thị Kim L và ông Tan Chek Ch tự nguyện tìm hiểu, cùng nhau đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10, cấp ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân huyện An P, tỉnh A. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến, cãi vã to tiếng, ông Tan Chek Ch không quan tâm, lo lắng và chăm sóc cho bà L, không cố gắng vun đắp, xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ cuối tháng 12/2019 đến nay, bà L và ông Tan Chek Ch sống ly thân, không còn liên lạc gì với nhau, cũng không lo lắng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Tan Chek Ch.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông Tan Chek Ch không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn (ông Tan Chek Ch) đã được Tòa án tiến hành thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo đúng quy định pháp luật nhưng không thu thập được ý kiến của ông Tan Chek Ch.*

\* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Tan Chek Ch vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

Về nội dung vụ án: Bà L và ông Tan Chek Ch tuy kết hôn với nhau nhưng chung sống với nhau trong một thời gian ngắn rồi sống ly thân từ tháng 12/2019 đến nay. Bà L về Việt Nam sinh sống, ông Tan Chek Ch sinh sống và làm việc tại Malaysia. Cả hai không còn liên lạc quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn ly hôn với bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Tan Chek Ch, sinh năm 1988; quốc tịch: Malaysian; nơi cư trú: số 117, Taman Teratai 32000 Sitiawan Perak, Malaysia nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình và các Điều: 28, 37, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với ông Tan Chek Ch đã được Tòa án tiến hành thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông Tan Chek Ch đã nhận được văn bản nhưng không gửi ý kiến bằng văn bản và cũng không có mặt tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn bà Trần Thị Kim L có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều: 227, 228, 238, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà L): Bà L và ông Tan Chek Ch kết hôn với nhau và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10, cấp ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân huyện An P, tỉnh A nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà L và ông Tan Chek Ch chỉ chung sống với nhau ở được một thời gian ngắn đến cuối tháng 12/2009 thì hai người sống ly thân cho đến nay. Bà L sinh sống ở Việt Nam, còn ông Tan Chek Ch sinh sống và làm việc ở Malaysia cho đến nay; từ đó vợ chồng không có thời gian gần gũi, quan tâm, chăm sóc nhau. Ngày 03/3/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã thực hiện thủ tục Ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật để tổng đạt các văn bản tố tụng (đã được dịch thuật) cho ông Tan Chek Ch, đến ngày 26/5/2022, ông Tan Chek Ch nhận được các văn bản nêu trên nhưng đến nay không có ý kiến gửi Tòa án. Nhận thấy bà L và ông Tan Chek Ch đã vi phạm quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông Tan Chek Ch không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Tan Chek Ch là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà L xác định không có con chung với ông Tan Chek Ch nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà L phải chịu.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, 37, 39, 147, 153, 266, 474 và 477 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 56, 123 và 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim L đối với ông Tan Chek Ch về việc “tranh chấp ly hôn”:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim L ly hôn với ông Tan Chek Ch.

1.2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

2. Về chi phí, lệ phí ủy thác tư pháp:

2.1. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Trần Thị Kim L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), được trừ vào 200.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0000611 ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

2.2. Về chi phí thực tế ủy thác tư pháp: Bà Trần Thị Kim L không phải nộp. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương hoàn trả cho bà Trần Thị Kim L số tiền 3.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0000610 nộp vào ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

3. Về chi phí dịch thuật văn bản: Bà Trần Thị Kim L phải chịu và đã thực hiện xong.

#### 4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Trần Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0000019 ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Bà Trần Thị Kim L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông Tan Chek Ch được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- UBND huyện An P, tỉnh A;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)**

**Trần Văn Luông**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Cương    Lê Thị Mỹ

Trần Văn Luông

**Báo án HNGĐ sơ thẩm**

**Vụ án :ly hôn, giữa:**

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Ngọc Vọc, xã Cẩm Yên, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Tạm trú tại: Số 31/17A, khu phố Thống Nhất 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bị đơn: Ông Lai, Wei- Lung, sinh năm 1978; Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan); Địa chỉ: Lầu 1, số 11, Hẻm 71, Khu 3, đường Bát Lộ, quận Tùng Sơn, thành phố Đài Bắc, Đài Loan.

**NỘI DUNG:**

*nguyên đơn (bà Trần Thị Kim L) trình bày:*

Bà L và ông Tan Chek Ch là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20 tháng 02 năm 2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa cấp (vào Sổ đăng ký kết hôn số 08/2008, quyển số 01/2017). Sau khi kết hôn, ông Tan Chek Ch về Đài Loan sinh sống, bà L có theo ông Tan Chek Ch về Đài Loan sinh sống một thời gian ngắn. Đến tháng 10/2008, bà L trở về Việt Nam sinh sống; từ đó đến nay, bà L và ông Tan Chek Ch không còn liên lạc gì với nhau, không có thời gian gần gũi, quan tâm, chăm sóc nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trang yêu cầu được ly hôn với ông Tan Chek Ch.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông Tan Chek Ch không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn (ông Tan Chek Ch)* đã được Tòa án tiến hành thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo đúng quy định pháp luật nhưng không thu thập được ý kiến của ông Tan Chek Ch.

### **NHẬN ĐỊNH:**

Bà L và ông Tan Chek Ch kết hôn với nhau và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20 tháng 02 năm 2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa cấp (vào Sổ đăng ký kết hôn số 08/2008, quyển số 01/2017) nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà L và ông Tan Chek Ch chỉ chung sống với nhau ở Đài Loan được một thời gian ngắn thì bà L về Việt Nam sinh sống cho đến nay; từ đó vợ chồng không có thời gian gần gũi, quan tâm, chăm sóc nhau. Nhận thấy bà L và ông Tan Chek Ch đã vi phạm quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông Tan Chek Ch không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Tan Chek Ch là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà L xác định không có con chung với ông Tan Chek Ch nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét.

### **Đề xuất:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Bà L được ly hôn với ông Tan Chek Ch.

Trên đây là báo cáo nội dung và ý kiến đề xuất giải quyết vụ việc. Kính trình Lãnh đạo xem xét và cho ý kiến.

Ý kiến Lãnh đạo

Người báo cáo